TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/DS-PT
Ngày: 20 - 01 - 2026
V/v tranh chấp về việc kiện đòi lại tiền thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu dân cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 1449/2025/TLPT-DS ngày 08/12/2025 về việc "Tranh chấp về việc kiện đòi lại tiền thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu dân cư".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Đ; Địa chỉ: Số E đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Minh C, sinh năm 1982; thường trú: Số D khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên lạc: Số D đường T, TTHC thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) - là người đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1973;

2/ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số F, đường số B, khu nhà ở thương mại Công ty TNHH H3, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Đ là bà Phan Thị Minh C trình bày:

Năm 2018, ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 1771, tờ bản đồ số 33, diện tích 64m^2 đất ở thuộc khu nhà ở thương mại H (tại phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương; nay thuộc phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) của Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt Công ty Đ). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H, bà H1 hoàn thành việc đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05328 ngày 22/02/2018; đã cất nhà ở và sinh sống trên đất.

Dự án khi nhà ở của Công ty Đ bao gồm: đất ở, đất công viên, đất thương mại, dịch vụ.....Tuy nhiên, khi dự án hoạt động thì chợ (đất thương mại, dịch vụ) mua bán ế ẩm nên không có người thuê để kinh doanh. Do đó, ngày 05/6/2020, Công ty Đ gửi Công văn số 46/HS-VP gửi Ủy ban nhân dân thành phố D xin chuyển mục đích sử dụng từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở.

Ngày 16/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố D có văn bản số 2099/UBND-ĐTXD gửi Công ty yêu cầu phối hợp UBND phường tổ chức lấy ý kiến người dân cư trú trong dự án về việc chuyển đổi đất thương mại, dịch vụ sang đất ở.

Ngày 24/9/2020 và ngày 30/9/2020 và ngày 23/01/2021, Công ty Đ phối hợp với Ủy ban nhân dân phường tổ chức lấy ý kiến các hộ dân sinh sống tại dự án, kết quả là đa số hộ dân trong dự án thống nhất để Công ty Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ông H, bà H1 là người cư trú trong dự án đã thỏa thuận nhận 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo Phiếu chi số 40 ngày 23/01/2021) của Công ty Đ để thống nhất cho Công ty Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong dự án.

Sau khi được sự thống nhất của cư dân cư trú tại dự án, Công ty Đ liên hệ và gửi nhiều văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền để xin thực hiện các thủ tục điều chỉnh quy hoạch, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không thực hiện được, vì có nhiều hộ dân đã nhận tiền hỗ trợ nhưng tiếp tục có đơn thư khiếu nại gây khó khăn, làm cho việc xin chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty không thực hiện được. Đến ngày 06/9/2023 và 15/09/2023, Công ty Đ gửi văn bản số 08/HS-CV và số 09/HS-CV về việc không tiếp tục thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch dự án, điều chỉnh chuyển mục đích sử dụng đất từ đất thương mại,

dịch vụ sang đất ở tại dự án khu nhà ở thương mại H. Đồng thời, Công ty Đ gửi nhiều thông báo yêu cầu ông H, bà H1 phải trả lại số tiền đã nhận nhưng ông H, bà H1 không trả.

Nay, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đã nhận của Công ty theo Phiếu chi số 40 ngày 23/01/2021.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 trình bày:

Ngày 24/9/2020, UBND phường A (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) và Công ty Đ mời ông H và bà H1 lên lấy ý kiến cư dân về việc Công ty Đ lập hồ sơ xin điều chỉnh cục bộ chuyển đổi 1.879,99m^2 đất thương mại, dịch vụ sang đất ở. Sau đó, Công ty Đ đề nghị tự nguyện hỗ trợ cho ông H, bà H1 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); ông H, bà H1 đồng ý nhận tiền và ký cam kết không khiếu nại, đồng ý để cho Công ty xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ thương mại dịch vụ sang đất ở.

Ông H, bà H1 đã đồng ý cho Công ty Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, việc không chuyển đổi được mục đích là lỗi của Công ty Đ, không phải lỗi của ông H, bà H1; do đó, ông H, bà H1 không đống ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực số 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Đ đối với ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1.

- Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên Đ số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 30/09/2025, bị đơn là ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Lúc đầu thì toàn bộ 94/94 hộ dân trong dự án đều đồng ý để cho Công ty Đ chuyển mục đích từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở nhưng sau đó mười mấy hộ dân không đồng ý và gửi đơn khiếu nại. Do có khiếu nại của cư dân trong dự án dẫn đến việc Công ty không thể thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, nên Công ty yêu cầu các hộ dân đã nhận tiền phải trả lại tiền đã nhận.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Công ty Đ đã tự nguyện giao tiền hỗ trợ cho bị đơn, bị đơn đã ký cam kết đồng ý, không khiếu nại việc Công ty Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất

thương mại, dịch vụ sang đất ở trong dự án. Hai bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình, Công ty Đ giao tiền, ông H và bà H1 thực hiện đúng cam kết về việc không khiếu nại thắc mắc; việc không thực hiện được chuyển đổi được mục đích sử dụng đất hoàn toàn do Công ty Đ tự ý giữa chừng chấm dứt thực hiện; ông H, bà H1 không có lỗi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung:

Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự có điều kiện, nguyên đơn không đạt được mục đích của giao dịch không phải do lỗi của nguyên đơn; do đó nguyên yêu cầu bị đơn trả lại tiền đã nhận là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH H3 đăng ký thành lập ngày 17/11/1992, mã số doanh nghiệp C1. Công ty được UBND tỉnh B (cũ) chấp thuận chủ trương đầu tư khu nhà ở thương mại (Dự án khu nhà ở thương mại H) tại Văn bản số 3502/UBND-KTN ngày 14/11/2013. Năm 2014, bà Bùi Thị Thanh H2 mua lại vốn góp từ các thành viên của Công ty TNHH H3 và đăng ký lại doanh nghiệp với tên mới là Công ty TNHH Một thành viên Đ vào ngày 13/8/2014.

Công ty Đ tiếp tục thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại H thuộc thửa đất số 1785, tờ bản đồ số 33, phường A, thành phố D. Chi tiết dự án: tổng diện tích 13.801,10m² (trong đó: đất ở: 6.234,00m²; đất thương mại, dịch vụ: 1.879,99m²; đất công viên cây xanh: 349,14m²…); đến năm 2020 dự án cơ bản hoàn thành, trong đó có 94 lô đất ở đã chuyển nhượng cho người dân tự xây dựng nhà ở.

Ngày 05/6/2020, Công ty Đ có Công văn số 46/HS-VP gửi Ủy ban nhân dân thành phố D xin điều chỉnh phần đất thương mại, dịch vụ 1.879,99m² sang

đất ở, với lý do đất Trung tâm thương mại dùng làm Chợ nhưng kinh doanh ế ẩm, phải đóng cửa không sử dụng.

Ngày 10/6/2020, Phòng Quản lý đô thị Thành phố D có Công văn số 2139/QLĐT-QH gửi UBND Thành phố D với nội dung là việc xin chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty Đ là không phù hợp quy hoạch.

Ngày 16/9/2020, Ủy ban nhân dân Thành phố D có Văn bản số 2099/UBND-ĐTXD yêu cầu Công ty Đ tổ chức lấy ý kiến người dân trong dự án về việc chuyển đổi đất thương mại, dịch vụ thành đất ở.

Ngày 24/9/2020, ngày 30/9/2020 và ngày 23/01/2021 Công ty Đ phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức họp lấy ý kiến các hộ dân sinh sống tại khu nhà ở thương mại H. Quá trình thương lượng với người dân, Công ty Đ đã đạt được sự đồng ý của đa số hộ dân có nhà cư trú tại dự án; 53 người ký cam kết đồng ý và nhận tiền hỗ trợ của Công ty, ít nhất là 30.000.000 đồng, nhiều nhất là 300.000.000 đồng.

Bị đơn là người có nhà ở và cư trú trong dự án, đã thỏa thuận nhận tiền và ký cam kết đồng thuận và không khiếu nại việc Công ty Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong dự án.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 09/2023, Công ty Đ liên tục gửi nhiều văn bản đến UBND Thành phố D, Sở Xây dựng tỉnh B và UBND tỉnh B để xin thực hiện các bước thủ tục để chuyển 1.879,99m² đất thương mại, dịch vụ sang đất ở nhưng không thực hiện được. Cơ quan có thẩm quyền có nhiều văn bản trả lời phải lấy ý kiến người dân, phải có biên bản kiểm tra dự án về hồ sơ cấp phép, phải điều chỉnh quy hoạch... Trong thời gian này, Công ty Đ tiếp tục bị các hộ dân trong dự án nhận ít tiền (ít hơn người khác) hoặc chưa nhận tiền "hỗ trợ" khiếu nại, kiến nghị không cho chuyển mục đích sử dụng đất. Tại Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 09/11/2022, Ủy ban nhân dân phường A gửi Ủy ban nhân dân Thành phố D có nội dung như sau: "*UBND phường tổ chức lấy ý kiến 100% cư dân trong dự án và báo cáo Ban chấp hành Đảng ủy phường thống nhất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty Đ; Ủy ban cho niêm yết biểu đồ quy hoạch, thuyết minh điều chỉnh quy hoạch.....(mục đích điều chỉnh là để chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty Đ). Ngày 04/11/2022, UBND phường tiếp nhận 11 đơn của các hộ dân trong dự án với yêu cầu không xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ thương mại, dịch vụ sang đất ở của Công ty Đ...(kèm theo danh sách 11 người gửi đơn)".* Ngoài ra, Công ty Đ còn giao nộp *"Đơn yêu cầu xem xét, giải quyết"* ngày 02/6/2022 với 19 người ký tên; *"Đơn đề nghị không xem xét"* ngày 03/11/2022 với 05 người dân ký tên và *"Đơn đề nghị"* ngày 24/12/2022 với 16 người ký tên có cùng nội dung gửi các cơ quan có thẩm quyền xem xét không chấp thuận cho Công ty Đ chuyển mục đích sử dụng từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở.

[2.2] Do không thể đạt sự đồng thuận của 100% cư dân trong dự án, không thể thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất; đến ngày 06/9/2023, Công ty Đ gửi Văn bản số 08/HS-CV đến các cơ quan có thẩm quyền thông báo

không tiếp tục thực hiện xin chuyển đổi đất thương mại, dịch vụ sang đất ở đối với khu nhà ở thương mại H, lý do sau khi đã thỏa thuận nhưng một số người dân vẫn gửi đơn khiếu nại không đồng tình, gây khó khăn nhằm mục đích đòi hỏi thêm quyền lợi. Sau đó, Công ty Đ phát hành các thông báo yêu cầu những người nhận tiền phải trả số tiền đã nhận; 20/53 người đã thương lượng được với Công ty Đ về việc trả lại tiền, 33/53 người còn lại không thương lượng được việc trả lại tiền trong đó có bị đơn.

[2.3] Xét ý kiến của hai bên đương sự, thấy rằng:

Công ty Đ xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất thương mại, dịch vụ sang đất ở là vì lợi ích của Công ty Đ, lợi ích này là lợi ích riêng của Công ty Đ và có ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cư dân trong dự án khu nhà ở thương mại H. Do đó, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu lấy ý kiến người dân có nhà ở trong dự án là để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cư dân có nhà ở trong dự án là phù hợp với pháp luật.

Công ty Đ thực hiện các buổi họp và đi đến thỏa thuận với người dân trong trong dự án về việc chuyển mục đích sử dụng đất; bị đơn là cư dân có nhà ở trong dự án ký cam kết không thắc mắc, khiếu nại và được nhận số tiền "hỗ trợ" từ Công ty.

Như vậy, thỏa thuận giữa bị đơn và Công ty Đ là một thỏa thuận có điều kiện và được xem là giao dịch dân sự có điều kiện. Điều 120 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:*"(1) Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự thì khi điều kiện đó xảy ra, giao dịch dân sự phát sinh hoặc hủy bỏ; (2) Trường hợp điều kiện làm phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự không thể xảy ra được do có hành vi cố ý cản trở trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên thì coi như điều kiện đó đã xảy ra; trường hợp có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên cố ý thúc đẩy cho điều kiện xảy ra thì coi như điều kiện đó không xảy ra".*

Điều 118 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Mục đích của giao dịch dân sự là lợi ích mà chủ thể mong muốn đạt được khi xác lập giao dịch đó".*

Trong trường hợp này, hai bên không có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch nhưng mục đích của giao dịch đối với Công ty Đ là được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không đạt được. Và như đã phân tích tại mục [2.1] và [2.2] thì bị đơn và Công ty Đ đều không có lỗi làm cho giao dịch không thực hiện được. Do đó, nội dung giao dịch *"đồng ý cho chuyển mục đích sử dụng đất và nhận tiền hỗ trợ"* giữa Công ty Đ và bị đơn bị vô hiệu do không thể thực hiện được do hoàn cảnh khách quan, do tác động của bên thứ ba (theo quy định Điều 156 Bộ luật dân sự) làm cho giao dịch không thể thực hiện được (theo quy định tại Điều 408 của Bộ luật dân sự). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại tiền cho Công ty Đ là có căn cứ nhưng không tuyên "Bản cam kết" giữa hai bên bị vô hiệu là có thiếu sót nên cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo luật định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 148, Khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 118,Điều 120, Điều 156 và Điều 408 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1.

- Tuyên bố "Bản cam kết" ký ngày 23/01/2021 giữa Công ty TNHH MTV Đ và ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 bị vô hiệu; buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 phải trả lại cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 phải chịu số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên Đ số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004725 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 không phải chịu. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị H1 số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022182 ngày 02/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 16 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng

2025DSPT45133 1 000138 437210 07.01.2026 11:11
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xâ